

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 12 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định các khoản thu phí, lệ phí và tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại
cho đơn vị thu trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỶ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết quy định các khoản thu phí, lệ phí và tỷ lệ phần trăm (%) trích lại cho đơn vị thu trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nộp phí, lệ phí bao gồm tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước theo quy định của Luật Phí và lệ phí.

b) Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí.

c) Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí.

Điều 2. Danh mục, mức thu, tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại cho đơn vị thu và miễn, giảm phí, lệ phí

1. Danh mục, mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại cho đơn vị thu đối với các khoản phí

a) Danh mục, mức thu

- Phí thuộc lĩnh vực giao thông vận tải: Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố (*Đính kèm Phụ lục I*).

- Phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, **bao gồm:**

+ Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp;

+ Phí thư viện.

(*Đính kèm Phụ lục II*)

- Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường, **bao gồm:**

+ Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

+ Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường;

+ Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

+ Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất;

+ Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất;

+ Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt;

+ Phí thẩm định cấp, cấp lại và điều chỉnh giấy phép môi trường;

+ Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai;

+ Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

(*Đính kèm Phụ lục III*)

- Phí thuộc lĩnh vực tư pháp, **bao gồm:**

+ Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

+ Phí đăng ký giao dịch bảo đảm.

(Đính kèm Phụ lục IV)

- Phí thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: Phí bình tuyến, công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.

(Đính kèm Phụ lục V)

b) Tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại cho đơn vị thu *(Đính kèm Phụ lục VII)*

2. Danh mục, mức thu đối với các khoản lệ phí

a) Lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân, **bao gồm:**

- Lệ phí đăng ký cư trú;

- Lệ phí hộ tịch;

- Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

b) Lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản,

bao gồm:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất;

- Lệ phí cấp giấy phép xây dựng;

- Lệ phí đăng ký kinh doanh.

(Đính kèm Phụ lục VI)

3. Về miễn, giảm phí, lệ phí: *(Đính kèm Phụ lục VIII)*

4. Các nội dung khác liên quan đến mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục có liên quan đến phí, lệ phí trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì áp dụng quy định về thu phí, lệ phí theo quy định tại Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang **quy định các khoản thu phí, lệ phí và tỷ lệ phần trăm (%) trích lại cho đơn vị thu trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.**

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 12 tháng 4 năm 2022, có hiệu lực từ ngày 21 tháng 4 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định các khoản thu phí, lệ phí và tỷ lệ phần trăm (%) trích lại cho đơn vị thu trên địa bàn tỉnh Hậu Giang./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Huyền